

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v: “T/C hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp:

1. Bùi Thành N, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ: Số F H, ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang; là người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng.

2. Ông Thanh T, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện N1, tỉnh Hậu Giang; là người được ủy quyền lại tham gia tố tụng. Có mặt.

- Bị đơn: Đồng Hoàng H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị L, sinh năm 1968

Địa chỉ: **ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2024 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ông **Thanh T** trình bày:

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2019, bị đơn là ông **Đồng Hoàng H** có vay của **Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện P, tỉnh Hậu Giang** số tiền là 43.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201903992 ngày 25 tháng 10 năm 2019; lãi suất thỏa thuận là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, trả lãi 06 tháng một lần; thời hạn thanh toán là 12 tháng.

Phía bị đơn không thể chấp tài sản, nhưng để đảm bảo phương thức cho vay tín chấp, Ngân hàng có giữ hộ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Bùi Thị L** 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: CH00427, CH00426 và CH00425, số phát hành: BD 408509, BD 408508 và BD 408507, do **Ủy ban nhân dân huyện P**, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông **Đồng Hoàng H** cùng ngày 23 tháng 12 năm 2010.

Từ lúc vay đến nay, phía bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 70.621.315 đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.742.301 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.879.014 đồng.

Phía bị đơn là ông **Đồng Hoàng H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Bùi Thị L** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông **Đồng Hoàng H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Bùi Thị L** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản sao các văn bản gồm: 01 Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201903992 ngày 25 tháng 10 năm 2019 và 01 báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ lập ngày 25 tháng 10 năm 2019, chứng minh việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 43.000.000 đồng với những thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt để đưa ra ý kiến phản đối hay thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Xét nội dung Hợp đồng tín dụng số 7006-LAV-201903992 ngày 25 tháng 10 năm 2019 thỏa thuận thời hạn trả nợ là 12 tháng. Đến thời điểm nguyên đơn có đơn khởi kiện, khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng bị đơn không trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc là 43.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh là có căn cứ.

Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, các đương sự thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung hợp đồng tín dụng có thỏa thuận thời hạn tất toán nợ gốc là ngày 25 tháng 10 năm 2020, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán được khoản nào. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 9,5%/năm tương ứng với thời hạn vay đến hạn chưa trả là 19.742.301 đồng; nợ lãi quá hạn trên số nợ gốc là 14,25%/năm tương ứng với thời gian quá hạn chưa trả là 7.879.014 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật.

[3.3] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 70.621.315 đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.742.301 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.879.014 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Đối với tài sản giữ hộ là 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: CH00427, CH00426 và CH00425, số phát hành: BD 408509, BD 408508 và BD 408507, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp cho

ông **Đồng Hoàng H** cùng ngày 23 tháng 12 năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 05% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông **Đồng Hoàng H** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là **Ngân hàng N1** (do ông **Bùi Thành N** và ông **Ô Thanh T** đại diện) số tiền là 70.621.315 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 43.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 19.742.301 đồng; nợ lãi quá hạn là 7.879.014 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông **Đồng Hoàng H** phải chịu 3.531.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. **Ngân hàng N1** (do ông **Bùi Thành N** và ông **Ô Thanh T** đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.714.000 đồng (một triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006907 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng